TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHỦ LÝ** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST.

Ngày 16 - 02 - 2022.

V/v:"Kiện xin ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Xuyên.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Đoàn Thị Huệ và bà Nguyễn Thị Chương.

***Thư ký phiên toà*:** Bà Đỗ Thị Nhung - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2021, về tranh chấp "Kiện xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị D, sinh năm 1979.

Bị đơn: Anh Trần Văn B, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: tổ dân phố NGK, phường CS, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Phiên tòa vắng mặt chị D, anh B (đều có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, lời khai và hòa giải tại Tòa án thì nguyên đơn chị Phạm Thị D có quan điểm như sau:

Chị và anh Trần Văn B lấy nhau có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 18/5/1999 tại Ủy ban nhân dân xã Châu Sơn, huyện Kim Bảng (nay là phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý), tỉnh Hà Nam sau thời gian tìm hiểu nhau được khoảng 03 năm. Việc kết hôn cũng có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tại địa phương. Sau ngày cưới, vợ chồng chị sống chung tại gia đình anh B nhưng được ăn riêng, ở riêng. Quá trình chung sống cho đến năm 2014 giữa vợ chồng chị đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác nên anh B đã thay đổi tâm tính hay đánh chửi chị nên vợ chồng không còn hợp nhau về cách sống, quan điểm sống và không thể có tiếng

nói chung nữa. Do mâu thuẫn nên vợ chồng chị thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, thậm chí có lúc xảy ra đánh nhau nên hai bên đã sống ly thân 04 tháng nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không quan tâm đến nhau vì mỗi người ở một nơi, chị về nhà bố mẹ ở cùng tổ dân phố Ngô Gia Khảm sống và hai bên chấm dứt quan hệ vợ chồng từ đó. Nay chị xác định tình cảm dành cho anh B không còn và những mâu thuẫn giữa vợ chồng chị đã rất trầm trọng không thể duy trì mối quan hệ hôn nhân được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn B.

Tại bản tự khai, hòa giải tại Tòa án, bị đơn anh Trần Văn B có quan điểm: Anh xác nhận phần trình bày của chị Phạm Thị D về thời gian, điều kiện, địa điểm, trình tự, thủ tục kết hôn cũng như quá trình chung sống, thời điểm phát sinh mâu thuẫn, thời gian vợ chồng anh sống ly thân là đúng. Tuy nhiên, theo anh mâu thuẫn giữa vợ chồng anh cũng như bao gia đình khác, việc xảy ra xô xát là cũng có. Còn việc có lúc anh đánh chị D là do nóng nảy không kìm chế bản thân được. Anh nghĩ chị D cũng có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác. Nay anh cũng xác định tình cảm của vợ chồng anh không còn dành cho nhau nữa nhưng anh vẫn muốn níu kéo mối quan hệ hôn nhân với chị D nên anh không đồng ý ly hôn theo nguyện vọng của chị D, anh mong Tòa án giúp đỡ cho vợ chồng anh được đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 02 con gái chung là cháu Trần Thị N, sinh ngày 30/3/2000 và cháu Trần Thị Minh P, sinh ngày 10/01/2004. Do các con chung đều đã trên 18 tuổi nên anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Con riêng, con nuôi: Vợ chồng không có nên anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Hiện chị D không có thai nghén gì.

Về tài sản chung:Vợ chồng thống nhất không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Vợ chồng thống nhất không có nên không đề nghị giải quyết.

***** Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:

Chị D và anh B đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Áp dụng các Điều 28; 35; 39; 68; 144; 147; 228; 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51; Điều 54; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị D.

- Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Phạm Thị D và anh Trần Văn B.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị D phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Trần Văn B có nơi cư trú tại tổ dân phố NGK, phường CS, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án "Tranh chấp ly hôn" giữa chị Phạm Thị D và anh Trần Văn B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Chị Phạm Thị D và anh Trần Văn B vắng mặt tại phiên tòa nhưng trước đó đã có lời khai và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, việc xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị D và anh Trần Văn B kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày18/5/1999 tại Ủy ban nhân dân xã Châu Sơn, huyện Kim Bảng (nay là phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý), tỉnh Hà Nam nên thỏa mãn với điều kiện, thủ tục kết hôn được Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị D, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống được khoảng 15 năm thì đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn hai bên đưa ra không giống nhau nhưng thể hiện tình cảm vợ chồng đã có nhiều rạn nứt, vợ chồng không còn tôn trọng nhau, hay đánh cãi chửi nhau. Mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng anh chị đã sống ly thân mấy tháng nay. Qúa trình sống ly thân hai bên không còn quan tâm đến nhau và đều xác định tình cảm không còn dành cho nhau nữa. Bản thân anh B xin đoàn tụ vợ chồng nhưng anh không có biện pháp nào để cải thiện mối quan hệ hôn nhân với chị D. Điều đó chứng tỏ cả chị D và anh B không còn đồng cảm về cách nghĩ,

quan điểm sống nữa nên khó có thể duy trì mối quan hệ hôn nhân với nhau. Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân của vợ chồng anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc giải quyết ly hôn là cần thiết nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D là phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 02 con gái chung là Trần Thị N, sinh ngày 30/3/2000 và cháu Trần Thị Minh P, sinh ngày 10/01/2004. Do các con chung đều đã trên 18 tuổi, cả chị D và anh B đều không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về con nuôi, con riêng: Vợ chồng đều thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng thống nhất không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn: Chị D phải nộp theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 144; Điều 147; Điều 228; Điều 238, Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ các Điều 51; 54; 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Xử ly hôn giữa Chị Phạm Thị D và anh Trần Văn B.

[2] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị D phải nộp 300.000 đồng, đối trừ với số tiền 300.000 đồng mà chị D đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2021/0000273 ngày 17/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Chị Phạm Thị D đã nộp đủ án phí.

Quyền kháng cáo đối với bản án: Chị D và anh B đều vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- UBND phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Xuyên